

NHÌN LẠI VẤN ĐỀ NHẬP SIÊU CỦA VIỆT NAM TRONG THƯƠNG MẠI VỚI TRUNG QUỐC

LÊ TUẤN THANH*

I. THỰC TRẠNG NHẬP SIÊU CỦA VIỆT NAM VỚI TRUNG QUỐC TRONG THỜI GIAN QUA

Kể từ sau bình thường hoá quan hệ hai nước năm 1991, quan hệ kinh tế, thương mại Việt Nam - Trung Quốc ngày càng trở nên gắn bó với nhau. Kim ngạch buôn bán song phương tăng nhanh, hàng hoá trao đổi phong phú. Trung Quốc hiện là bạn hàng thương mại lớn nhất của Việt Nam, với buôn bán hai chiều chiếm khoảng 12% tổng kim ngạch ngoại thương của Việt Nam. Tuy kim ngạch thương mại song phương tăng nhanh, nhưng phần tăng đó chủ yếu do tăng xuất khẩu của Trung Quốc vào thị trường Việt Nam, còn tăng trưởng xuất khẩu của Việt Nam vào thị trường Trung Quốc là rất ít, thậm chí trong năm 2006, theo số liệu của phía Trung Quốc thì xuất khẩu của Việt Nam vào thị trường Trung Quốc không những không tăng, mà trái lại còn giảm đi. Vì vậy, nổi lên một vấn đề Việt Nam nhập siêu quá nhiều⁽¹⁾ từ Trung Quốc. Mức nhập siêu từ Trung Quốc chiếm tỷ lệ lớn nhất trong các nước và vùng lãnh thổ có quan hệ thương mại với Việt Nam⁽²⁾.

Thông qua việc khảo sát tư liệu của hai bên, chúng tôi thấy rằng số liệu không có

sự đồng nhất. Theo những số liệu của phía Việt Nam, trong thập kỷ 90 của thế kỷ XX, Việt Nam luôn xuất siêu sang thị trường Trung Quốc. Chỉ duy có năm 1998, do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính châu Á, Việt Nam mới nhập siêu từ Trung Quốc. Còn tài liệu từ phía Trung Quốc cho thấy, Việt Nam đã bắt đầu nhập siêu ngay trong giai đoạn sau bình thường hoá (xem bảng 1, 2). Như vậy, theo chúng tôi, dù số liệu hai bên có khác nhau, nhưng nếu xét từ tình hình thực tế thì Việt Nam là nước bị nhập siêu. Bởi, từ khi bình thường hoá đến nay, rất nhiều mặt hàng của Trung Quốc được đưa sang Việt Nam qua con đường buôn lậu với số lượng lớn. Điều này không thể hiện được qua thống kê của hải quan hai bên, dẫn đến những số liệu chưa đầy đủ, chính xác.

Trên thực tế, trong thập niên 90 của thế kỷ XX, nhập siêu của Việt Nam thấp do kim ngạch thương mại song phương không lớn. Tuy nhiên, bước sang những năm đầu của thế kỷ XXI, cùng với kim ngạch thương mại song phương tăng lên thì Việt Nam đã dần xuất hiện tình trạng nhập siêu lớn từ Trung Quốc, xu thế đó ngày càng trở nên đậm nét hơn, năm sau tăng hơn năm trước. Đến cuối năm 2006, theo số liệu của Việt Nam, nhập siêu của

* Ths. Lê Tuấn Thanh, Viện Nghiên cứu Trung Quốc

Việt Nam với các nước và vùng lãnh thổ lên tới 4,8 tỷ USD⁽³⁾, riêng nhập siêu từ Trung Quốc đã lên đến 4,36 tỷ USD⁽⁴⁾, chiếm tỷ lệ lớn trong tổng mức nhập siêu của Việt Nam. Tình trạng trên trong năm 2007 vẫn chưa có gì thay đổi (xem thêm số liệu bảng 1 và 2).

II. NGUYÊN NHÂN DẪN ĐẾN NHẬP SIÊU CỦA VIỆT NAM

1. Cơ cấu mặt hàng

Thời gian qua, tăng trưởng kinh tế của Việt Nam chủ yếu dựa vào xuất khẩu và đầu tư. Tuy nhiên, phần lớn các mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam vẫn là những mặt hàng nguyên liệu khoáng sản thô, nông sản phẩm (trong chín ngành xuất khẩu của Việt Nam đạt mức 1 tỷ USD trở nên, đa số là các ngành liên quan đến xuất khẩu nông sản và khoáng sản⁽⁵⁾). Vì vậy, trong quan hệ thương mại với Trung Quốc, Việt Nam cũng chủ yếu xuất khẩu các loại hàng hoá nông sản phẩm, thuỷ sản, quặng, dầu thô sang Trung Quốc; còn Trung Quốc lại xuất những sản phẩm đã qua chế biến gia công sang Việt Nam như hàng tiêu dùng, xăng dầu, vải, phân bón, sắt thép, hoá chất, phụ liệu giày dép, điện tử và linh kiện⁽⁶⁾, máy móc, thiết bị v.v... đây là mô hình hợp tác mang tính bổ sung cho nhau.

Tuy nhiên trong những năm gần đây, mặt hàng nông sản xuất khẩu của Việt Nam sang Trung Quốc có xu hướng giảm, trái với sự mong đợi của nhiều doanh nghiệp và các cơ quan chức năng về việc Việt Nam thực hiện chương trình thu hoạch sớm với những ưu đãi thuế XNK cho các mặt hàng nông sản, thuỷ hải sản...⁽⁷⁾ Điều này khiến Trung Quốc từ một thị trường nhập siêu, tiêu thụ đến 50% sản lượng rau quả Việt Nam, thì nay Trung Quốc đã trở thành nhà xuất khẩu

với kim ngạch luôn xuất siêu vào thị trường Việt Nam. Do vậy mà muốn phát triển, Việt Nam cần tìm một mô hình phát triển hợp lý để có thể thúc đẩy xuất khẩu sang Trung Quốc.

2. Khả năng cạnh tranh hàng hoá của Việt Nam còn hạn chế

Mặc dù bên cạnh một nước láng giềng có thị trường với dân số lớn nhất thế giới, riêng hàng hoá nhập khẩu năm 2006 của Trung Quốc đã lên tới 791,61 tỷ USD⁽¹⁰⁾, hệ thống giao thông đường sắt, đường bộ, đường biển, đường hàng không giữa hai nước thuận lợi, nhưng hàng hoá của Việt Nam còn chưa xâm nhập được vào thị trường này. Tại các siêu thị, các cửa hàng ở sâu trong nội địa của Trung Quốc hiếm khi có các mặt hàng của Việt Nam. Trong khi đó, hàng hoá Trung Quốc thì lại tràn ngập thị trường Việt Nam. Rất nhiều người Việt Nam sang tận Quảng Đông, Chiết Giang, Quảng Tây để mua hàng từ Trung Quốc về. Hiện tượng này cho thấy, phía Việt Nam vẫn còn có những vấn đề trong cạnh tranh hàng hoá với Trung Quốc. Theo chúng tôi, nguyên nhân là do: một số mặt hàng của Việt Nam chưa cải tiến mẫu mã, hình thức, thiếu đầu tư cho công tác nghiên cứu phát triển kỹ thuật, công nghệ, tìm hiểu thị trường và thị hiếu của người dân. Bên cạnh đó, còn phải tính tới những chi phí cho sản xuất một sản phẩm của Việt Nam còn cao, cụ thể là chi phí cho địa điểm sản xuất kinh doanh còn rất cao, do giá bất động sản thuộc loại cao trên thế giới; phí cảng biển, bưu chính viễn thông, giá điện của Việt Nam cao gấp 2-3 lần so với nước có mức giá trung bình trong khu vực, ngoài ra còn nhiều phí tiêu cực khác. Về phía Trung Quốc, nhiều loại hàng được đầu tư sản xuất với quy mô lớn, do vậy mà giá thành rẻ. Những điều này đã đẩy giá

Bảng 1: Xuất nhập siêu của Việt Nam trong kim ngạch xuất nhập khẩu giữa Việt Nam - Trung Quốc (số liệu của Việt Nam). Đơn vị: (triệu USD)

Năm	Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu	Kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam	Kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam	Xuất nhập siêu của Việt Nam
1991	37,70	19,30	18,40	+ 0,90
1992	127,40	95,60	31,80	+ 63,80
1993	221,30	135,80	85,50	+ 50,30
1994	439,90	295,70	144,20	+ 151,50
1995	691,60	361,90	329,70	+ 32,20
1996	669,20	340,20	329,00	+ 11,20
1997	878,50	474,10	404,40	+ 69,70
1998	989,40	478,90	510,50	- 31,60
1999	1.542,30	858,90	683,40	+ 175,50
2000	2.957,30	1.534,00	1.423,20	+ 110,80
2001	3.047,90	1.418,00	1.629,90	- 211,90
2002	3.653,00	1.595,00	2.158,00	- 663,00
2003	4.867,00	1.747,00	3.120,00	- 1.373,00
2004	7.192,00	2.735,50	4.456,50	- 1.721,00
2005	8.730,00	2.960,00	5.770,00	- 2.810,00
2006	10.420,00	3.030,00	7.390,00	- 4.360,00

Nguồn: Tổng cục Hải quan Việt Nam.

Bảng 2: Xuất nhập siêu của Việt Nam trong kim ngạch xuất nhập khẩu giữa Việt Nam - Trung Quốc (số liệu của Trung Quốc). Đơn vị: triệu USD

Năm	Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu	Kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam	Kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam	Xuất nhập siêu của Việt Nam
1991	32,00	10,00	21,00	- 11,00
1992	179,00	73,00	106,00	- 33,00
1993	398,00	123,00	276,00	- 153,00
1994	533,00	191,00	342,00	- 151,00
1995	1.052,00	332,00	720,00	- 388,00
1996	1.150,00	308,00	842,00	- 534,00
1997	1.435,00	357,00	1.078,00	- 721,00
1998	1.245,00	217,00	1.028,00	- 811,00
1999	1.218,00	354,00	864,00	- 510,00
2000	2.466,00	929,00	1.537,00	- 608,00
2001	2.815,20	1.010,75	1.804,45	- 793,70
2002	3.264,15	1.115,28	1.804,45	- 689,17
2003	4.634,31	1.455,80	3.178,52	- 1.722,72
2004	6.742,80	2.481,96	4.260,84	- 1.778,88
2005	8.196,40	2.551,92	5.644,48	- 3.092,56
2006	9.950,54	2.485,91	7.464,63	- 4.978,72

Nguồn: tính toán trên số liệu của Tổng cục Hải quan Trung Quốc, <http://www.customs.gov.cn/tongjishu/Book1.htm>; Bộ Ngoại giao Trung Quốc, và số liệu từ Bộ Thương mại Trung Quốc

thành các mặt hàng của Việt Nam tăng cao, khó cạnh tranh được với các mặt hàng của Trung Quốc.

3. Nhu cầu về máy móc thiết bị, nguyên vật liệu trong nước tăng cao, phụ thuộc vào nước ngoài

Thời gian qua, Việt Nam đầu tư xây dựng nhiều dự án công nghiệp lớn về nhiệt điện, thủy điện, lọc dầu, xây dựng cầu cống, nhà cao tầng v.v... Nhu cầu về nguyên vật liệu, thiết bị, máy móc dùng cho những công trình này rất lớn, nhiều doanh nghiệp nhỏ của Việt Nam khó có đủ điều kiện để nhập những thiết bị hiện đại, đắt tiền của các nước phương Tây, do vậy nhu cầu đối với mặt hàng này của Trung Quốc tăng lên.

Song song với đó là ngành công nghiệp phụ trợ của Việt Nam còn thiếu sự đầu tư, hay nói cách khác Việt Nam còn gặp khó khăn trong việc huy động vốn vào những lĩnh vực này. Các nhà đầu tư nước ngoài đến Việt Nam đầu tư ít chú ý đến xây dựng những ngành công nghiệp phụ trợ mà thường coi việc sử dụng giá nhân công rẻ của Việt Nam để biến Việt Nam trở thành nơi gia công chế xuất các mặt hàng xuất khẩu của họ, nhập khẩu nguyên vật liệu từ nước ngoài gia công chế tạo, sau đó xuất đi các nước khác, điển hình là các lĩnh vực như giày dép, may mặc... Xin đơn cử một số trường hợp điển hình như: chúng ta đều biết xuất khẩu sản phẩm nông nghiệp, thủy hải sản đã mang lại nhiều ngoại tệ về cho Việt Nam, thế nhưng một nghịch lý đáng buồn cũng đang diễn ra đó là Việt Nam lại phụ thuộc nhiều vào thị trường Trung Quốc trong các mặt hàng phục vụ sản xuất nông nghiệp như phân bón, giống cây, thức ăn gia súc. Với ngành dệt may, giày da, nhiều doanh nghiệp Trung Quốc đến Việt Nam đầu tư, trong quá trình sản xuất phải

nhập nhiều nguyên phụ liệu về Việt Nam để gia công xuất khẩu, giá trị nhập khẩu những mặt hàng này thường chiếm tỷ lệ cao trong tổng kim ngạch xuất khẩu. Thậm chí nhiều công ty may lớn của Việt Nam trong khi làm hàng xuất khẩu hay tiêu thụ nội địa đều phải chịu chi phối của thị trường nguyên liệu quốc tế, bởi có đến 80% nguyên liệu sử dụng là nhập ngoại. Ví dụ, trong sáu tháng đầu năm 2004, Việt Nam xuất được 3,3 tỷ USD, nhưng phải nhập phụ liệu cho giày dép và dệt may, vải sợi dệt và bông vải lên đến 2,6 tỷ USD. Điều này giải thích tại sao khi tăng xuất khẩu thì nhập siêu cũng tăng cao, giá trị kim ngạch xuất khẩu dệt may rất lớn nhưng lợi nhuận chỉ đạt chưa đầy 30%⁽¹⁶⁾. Nói tóm lại, trong lĩnh vực công nghiệp phụ trợ, Việt Nam vẫn còn có những khoảng trống, thiếu sự đầu tư và quan tâm đầy đủ. Với tình hình như hiện nay, phải cần một thời gian tương đối thì mới mong ra giải quyết được vấn đề này.

4. Thiếu hiểu biết về thị trường Trung Quốc

Các nhà tư tưởng cổ đại Trung Quốc đã có câu nói "biết người biết ta, trăm trận trăm thắng". Người Trung Quốc, nhất là các doanh nghiệp Trung Quốc rất hiểu biết thị trường Việt Nam. Họ nắm bắt được những nhu cầu, những thay đổi của thị trường Việt Nam. Còn các doanh nghiệp, nhiều bộ ngành của Việt Nam có quan hệ với phía Trung Quốc vẫn còn yếu trong việc nắm bắt các thông tin từ thị trường này. Vì vậy, trong làm ăn buôn bán với phía Trung Quốc, nhất là trong buôn bán mậu dịch biên giới, doanh nghiệp Việt Nam khó nắm phần chủ động. Ngoài ra, còn có tình trạng do không nắm vững những quy định, văn bản liên quan đến xuất nhập khẩu của chính quyền Trung ương và của các địa phương Trung

Quốc, nên trong quá trình làm thủ tục, hàng hoá Việt Nam không đủ giấy tờ, không thực hiện đúng các yêu cầu của các cơ quan hải quan, kiểm dịch của Trung Quốc dẫn đến tình trạng khó được chấp nhận xuất sang thị trường này.

5. Tâm lý người mua hàng

Chúng tôi cho rằng, các nhà kinh doanh của Trung Quốc hiểu rất rõ tâm lý, văn hoá của người Việt Nam. Nhiều mặt hàng của Trung Quốc với mẫu mã đẹp, giá rẻ, chất lượng vừa phải nhưng lại phù hợp với những sở thích của người Việt Nam, bởi tâm lý nhiều người Việt Nam vẫn thích sử dụng những mặt hàng mới, đẹp, giá cả phải chăng. Lấy một ví dụ năm 2000 cho đến gần đây, mặt hàng xe máy của Trung Quốc đã chiếm một thị phần đáng kể trong thị trường xe máy Việt Nam thông qua kiểu dáng và giá cả hấp dẫn đã thu hút sự quan tâm của nhiều người, nhất là những người có mức thu nhập thấp.

6. Một số hạn chế từ hàng rào kỹ thuật

Trong quá trình hợp tác thương mại với Trung Quốc, một số mặt hàng của Việt Nam vẫn bị áp thuế, hoặc gặp phải những quy định làm cho khó xâm nhập vào thị trường Trung Quốc.

Những mặt hàng mà Trung Quốc đang có nhu cầu nhiều như tài nguyên khoáng sản, thì Trung Quốc giảm thuế thấp. Còn những mặt hàng mà Trung Quốc muốn thúc đẩy sang Việt Nam, thường được hưởng nhiều ưu đãi. Nhìn chung, chính sách của Trung Quốc đối với các mặt hàng xuất nhập khẩu thường linh hoạt, thay đổi theo nhu cầu sản phẩm và thời gian. Do vậy điều quan trọng là các doanh nghiệp của Việt Nam phải nắm chắc thông tin, cũng như những kiểu kinh doanh của người Trung Quốc để từ đó hạn

chế thấp nhất những chi phí phát sinh, những khó khăn, vướng mắc khi làm ăn với doanh nghiệp Trung Quốc./

CHÚ THÍCH

1. Cổ Tiểu Tùng, *Cải cách mở cửa của Việt Nam và phát triển quan hệ kinh tế thương mại Trung Việt*, <http://www.chinareform.org.cn/cir-dbbs/Appraise.asp?boardid=12&topicid=52447&postid=135307>
2. Để giảm nhập siêu trong thương mại Việt - Trung <http://thongtindubao.gov.vn/Default.aspx?mod=News&cat=45&nid=7067>
3. Chúng tôi tính toán từ số liệu xuất khẩu (39,6 tỷ USD) và số liệu nhập khẩu (44,4 tỷ USD) của Việt Nam trong năm 2006 được đề cập trong tài liệu: *Quan hệ thương mại của Việt Nam với các nước và vùng lãnh thổ*, http://www.mofahcm.gov.vn/vi/mofa/tt_baochi/nr041126171753/ns070123161827.
4. Tính toán dựa trên số liệu của Việt Nam năm 2006, kim ngạch song phương đạt 10,42 tỷ USD. Trong đó, nhập khẩu của Việt Nam sang Trung Quốc là 7,39 tỷ USD, xuất khẩu 3,03 tỷ USD. Tính ra, nhập siêu lên tới 4,36 tỷ USD.
5. Theo nguồn của Bộ Thương mại Việt Nam, năm 2006 Việt Nam có 9 mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu đạt trên 1 tỷ USD bao gồm: Dầu thô (8,3 tỷ USD), dệt may (5,8 tỷ USD), giày dép (3,5 tỷ USD), thủy sản (3,4 tỷ USD), sản phẩm gỗ (1,9 tỷ USD), điện tử và linh kiện máy tính (1,77 tỷ USD), gạo (1,38 tỷ USD), cao su (1,3 tỷ USD), cà phê (1,1 tỷ USD). Nguồn: <http://mof.gov.vn/Default.aspx?tabid=612&ItemID=39447>
6. *Thị trường xuất, nhập khẩu chủ yếu của Việt Nam*, <http://www.mof.gov.vn/Default.aspx?tabid=612&ItemID=27891>
7. Cụ thể, kim ngạch nông sản xuất sang Trung Quốc đã giảm từ 142,8 triệu USD năm 2001 xuống còn 35 triệu USD năm 2005.